



L.I.F.E. Jr. Nihongo Gakuin

ライフ ジュニア 日本語学院

HẠNG MỤC TUYỂN SINH (Khóa du học)

■ ライフジュニア日本語学院

〒902-0064

沖縄県那覇市寄宮1丁目8番50号

TEL : 098-996-5023 FAX : 098-996-5024

✉ : admjpn@life.ac.jp (入学受付専用)

Learning 「học tập」
Invention 「kiến tạo」
Fellowship 「kiên trì」
Expertise 「thuần phục」

1. Khóa du học		
Kỳ nhập học	Khóa học	Thời gian học
Học sinh kỳ tháng 10	Khóa học 1 năm 6 tháng	Tháng 10 nhập học và sẽ tốt nghiệp vào tháng 3 năm tiếp theo nữa .
Học sinh kỳ tháng 4	Khóa học 2 năm	Nhập học kỳ tháng 4 và tốt nghiệp vào tháng 3 năm tiếp theo nữa .

2. Ngày đi học		
----------------	--	--

Từ thứ hai tới thứ sáu

※Thứ bảy , chủ nhật , ngày lễ của Nhật sẽ được nghỉ

■ thời gian học

Lớp học buổi sáng từ 8 : 30～11 : 50 (45 phút /4 tiết)
Lớp học buổi chiều từ 13 : 45～17 : 05 (45 phút /4 tiết)
※ Được chia lớp theo trình độ của từng học sinh rồi sau đó tiến hành giảng dạy .

■ Kỳ nghỉ dài

Nghỉ xuân từ giữa tháng 3 tới cuối tháng 3 (Khoảng 2 tuần)
Nghỉ hè từ cuối tháng 7 tới cuối tháng 8 (khoảng 4 tuần)
Nghỉ thu từ cuối tháng 12 (khoảng 1 tuần)

※Thời gian nghỉ có thể thay đổi số giờ học .

3. Nội hồ sơ

1. Lý lịch năm học cuối /tuổi

Yêu cầu tốt nghiệp THPT (đủ 12 năm học) và thời điểm nhập học vào trường phải đủ 18 tuổi .

※Trường hợp vẫn đang học THPT thì có thể nộp giấy chứng nhận dự định tốt nghiệp
※Quy định giáo dục của mỗi quốc gia một khác , nếu quốc gia nào không đủ 12 năm học thì hãy trao đổi với chúng tôi .

2. Giấy xác nhận học tiếng Nhật

(1) Phải có giấy xác nhận học tiếng Nhật tại trường hoặc trung tâm dạy tiếng Nhật học từ 150 giờ học trở lên (tương đương N5)

(2) Tất cả giấy chứng nhận tiếng Nhật dưới đây sẽ được công nhận .

- ① JLPT (N5 trở lên) ②BJT (300 điểm trở lên)
- ③J.TEST (trình độ F trở lên) ④NAT-TEST (Trình độ 5 trở lên)
- ⑤Thi tiêu chuẩn tiếng Nhật Business (350 điểm trở lên) ⑥TOP J (Trình độ sơ cấp A trở lên)
- ⑦J-cert (sơ cấp trở lên) ⑧JLCT
- ⑨ (PJC Bridge) (C – trở lên)
- ⑩JPT (315 điểm trở lên)

3. Năng lực bảo lãnh tài chính

Trong quá trình học tập tại trường , phải có đủ năng lực đóng học phí và sinh hoạt phí .

4. Thời gian nộp hồ sơ

Nhập học kỳ tháng 10 : Nộp hồ sơ từ ngày 1 /3 cho đến hết tháng 5 (nếu đủ chỉ tiêu sẽ dừng tiếp nhận hồ sơ)

Nhập học kỳ tháng 4 : Nộp hồ sơ từ ngày 1/9 đến hết tháng 11nếu đủ chỉ tiêu sẽ dừng tiếp nhận hồ sơ)

5. Phương pháp nộp hồ sơ

< Hồ sơ nhận từ trong nước >

Sau khi đã xác nhận được người chịu trách nhiệm về hồ sơ du học thì hãy gửi hồ sơ tới trường .

< Hồ sơ nhận từ nước ngoài >

Hãy liên lạc tới các trung tâm du học mà phía trường đã liên kết để tiến hành làm thủ tục hồ sơ .

〒902-0064

沖縄県那覇市寄宮1-8-50

ライフジュニア日本語学院 留学担当 宛て

Tel : 098-996-5023

1-8-50 Yorimiya, Naha, Okinawa, 902-0064, JAPAN

LIFE Jr. NIHONGO GAKUIN

Tel : +81(0)98-996-5023

6 . Thủ tục hồ sơ và các giấy tờ cần phải nộp

	Hồ sơ cần thiết phải nộp	Ghi chú
①	Ảnh 6 cái	Ảnh 4/3 , nền trắng , phông trắng (ảnh chụp trong vòng 3 tháng gần nhất)
②	Coppy Hộ chiếu	Trong trường hợp có
③	【Form A1、 A2】 Lý do du học và hồ sơ nhập học	Bản thân phải ký tên vào hồ sơ
④	【Form B】 Sơ yếu lý lịch	Bản thân học sinh phải ký tên và điền thông tin
⑤	Bằng tốt nghiệp cuối cùng (Bản gốc)	
⑥	Giấy giải trình cụ thể kế hoạch tiếp theo sinh sống tại Nhật .	Đối với trường hợp đã tốt nghiệp sau 5 năm .
⑦	Giấy tờ liên quan tới năng lực tiếng Nhật .	
⑧	【Form D】 Thư bảo lãnh	Người nộp hồ sơ và người bảo lãnh phải ký tên .
⑨	Giấy tờ chứng nhận với người bảo lãnh .	
⑩	Xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc)	
⑪	Giấy xác nhận hình thành tài sản 1 năm gần nhất .	Hoặc bản sao kê từ ngân hàng .
⑫	Giấy xác nhận công việc người bảo lãnh	
⑬	Giấy xác nhận thu nhập người bảo lãnh	
⑭	【người đã từng bị đánh trượt COE】 Giải trình lý do trượt	Trong trường hợp quá khứ đã từng nộp hồ sơ và bị trượt .
⑮	【người đã từng bị đánh trượt COE】 Nộp giấy báo lý do trượt	Trong trường hợp quá khứ đã từng nộp hồ sơ và bị trượt .
⑯	Dịch toàn bộ hồ sơ sang tiếng Nhật	Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Nhật và gửi kèm theo .

- ※ Nộp tất cả những giấy tờ cần thiết liên quan tới người xin Visa .
- ※ Phải ký tên vào hồ sơ cần nộp .
- ※ Nếu người bảo lãnh đang sinh sống tại nhật hoặc là người Nhật thì cũng sẽ có những hồ sơ cần thiết phải nộp .
- ※ Trong quá trình kiểm tra hồ sơ có thể sẽ yêu cầu bổ sung thêm giấy tờ .

Về thủ tục giấy tờ cần thiết để nộp hồ sơ thì hãy liên lạc với người chịu trách nhiệm về hồ sơ du học của trường chúng tôi .

7 . Học phí

	Năm đầu (khóa học thông thường)	Năm thứ hai (khóa học năm 2)	Năm tiếp theo (khóa học 1 năm 6 tháng)
① Phí tuyển sinh	20,000 yên	—	—
② phí nhập học	70,000 yên	—	—
③ học phí	570,000 yên	570,000 yên	285,000 yên
④ phí giáo trình	30,000 yên	30,000 yên	15,000 yên
⑤ phí thiết bị và các hoạt động khác	45,000 yên	45,000 yên	25,000 yên
⑥ *tiền giữ hộ	25,000 yên	10,000 yên	5,800 yên
合計	760,000 yên	655,000 yên	330,800 yên

*tiền giữ hộ

1) Bảo hiểm y tế quốc dân

Chỉ năm đầu tiên phí bảo hiểm nhà trường sẽ thu cùng với học phí (15,000 yên) sau khi nhập cảnh sẽ đóng phí bảo hiểm này 。 ※ đóng theo chỉ thị của nhà nước nếu còn thừa sẽ trả lại 。

2) Bảo hiểm du học sinh

Những học sinh nhập học bằng Visa du học 、 trong thời gian học tại trường đóng 「gói bảo hiểm du học sinh 」 của hiệp hội hợp tác trường tiếng Nhật (12 tháng : 10,000 yên、 6 tháng 5,800 yên)

8 . ký túc xá

Sau khi nhập học vào trường của chúng tôi ,

Để học luật , học văn hóa sinh hoạt sống của Nhật thì học sinh sẽ ở ký túc xá 6 tháng.

Sau 6 tháng học sinh có thể lựa chọn chuyển ra ngoài sống 。 (có quy định)

Ký túc của du học sinh có đầy đủ tiện nghi , chăn đệm , đồ gia dụng , đồ điện , Wifi (tiền điện , nước , ga tất cả đã bao gồm vào phí ký túc xá)

	6 tháng đầu từ khi vào ký túc xá	Từ 6 tháng tiếp theo
●số tiền	30,000 yên / tháng	25,000 yên / tháng
● hình thức đóng	6 tháng ký túc xá đầu tiên sẽ đóng cùng phí nhập học năm đầu là 180,000 yên	Từ sau 6 tháng sẽ đóng trực tiếp từng tháng tại văn phòng của trường

học sinh không có nguyện vọng sống tại ký túc xá 。

Nếu học sinh đó có người thân trong gia đình đang sống tại Nhật bảo lãnh thì có thể sống ngoài ký túc xá 。 Khi đi tới trường không được dùng phương tiện ô tô mà dùng xe đạp , xe máy 。

Nếu có nguyện vọng sống ngoài ký túc xá thì hãy trao đổi với trường trước khi nhập học 。

9 . Phương thức thanh toán

■ Học phí năm đầu

Sau khi có kết quả tư cách lưu trú thì hãy đóng theo đúng thời hạn mà trường chỉ định .

■ Học phí năm tiếp theo có thể chia ra từng phần đóng

※Nếu chuyển tiền học phí từ nước ngoài tới yêu cầu học sinh chịu trách nhiệm phí chuyển khoản tại ngân hàng .

※Nếu đóng trực tiếp tại trường thì yêu cầu đóng bằng tiền mặt

10. Lường thủ tục nhập học



Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi hoặc tư vấn nào về hướng dẫn đăng ký hoặc nhập học,
Vui lòng liên hệ với người phụ trách du học.

Tel : 098-996-5023

✉ : admjpn@life.ac.jp (入学受付専用)